ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56 /2023/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 28 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2304/TTr-SLĐTBXH ngày 24 tháng 8 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2290 /BC-STP ngày 17 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Các đối tượng được ngân sách tỉnh hỗ trợ là những người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh và có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Mức chi hỗ trợ

1. Chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường:

a) Hỗ trợ 100% các chi phí quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, đối với các đối tượng sau:

- Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ;

- Người thuộc hộ gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Người thuộc diện hộ cận nghèo; Người bị nhiễm HIV/AIDS; Trẻ em dưới 16 tuổi.

b) Hỗ trợ 50% các chi phí quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với người cai nghiện ma túy thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện ma túy là nữ):

a) Hỗ trợ 100% theo mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh (trong đó: định mức ăn thêm ngày Lễ, Tết dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; định mức ăn thêm ngày Tết nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường), đối với các đối tượng sau:

- Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ;

- Người thuộc hộ gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Người thuộc diện hộ cận nghèo; Người bị nhiễm HIV/AIDS; Trẻ em dưới 16 tuổi.

b) Hỗ trợ 70% theo mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh (trong đó: định mức ăn thêm ngày Lễ, Tết dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày

thường; định mức ăn thêm ngày Tết nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường), đối với người cai nghiện ma túy thuộc các đối tượng còn lại tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Chi hỗ trợ 100% chi phí chỗ ở cho tất cả các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ Ngân sách của tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày _07 tháng9__ năm 2023; thay thế Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định về mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định về mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, Công báo;
- Lưu: VT. NAM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên